

Bản án số: **06/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 29/7/2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Tố Loan**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lò Văn Chương**.

Ông **Nguyễn Quang Khải**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Vân Anh**, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên;

Ngày 29 tháng 7 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2025/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2025 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2025/QĐXXST- HNGĐ, ngày 27 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2025/QĐST- HNGĐ ngày 14/7/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị C**; sinh năm 1985;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (nay là xã T, tỉnh Điện Biên), *có mặt tại phiên tòa*.

2. Bị đơn: Anh **Đỗ Ngọc H**; sinh năm: 1979;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (nay là xã T, tỉnh Điện Biên), *vắng mặt không lý do*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/5/2025 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Trần Thị C trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị C và anh Đỗ Ngọc H có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (nay là xã T, tỉnh Điện Biên) vào ngày 30/11/2003, anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ai ép buộc. Thời gian đầu chung sống vợ chồng anh chị có hạnh phúc, sau này thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính là vợ chồng không có tiếng nói chung, quan điểm sống bất đồng ngày càng không dung hòa trong cuộc sống, nghĩ rằng cuộc hôn nhân không thể cố

gắng thêm được nữa, anh chị đã sống ly thân từ nhiều năm nay, anh H cứ đi làm thỉnh thoảng mới về nhà, xong lại đi. Nay chị C xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, vì vậy chị C đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên) giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Ngọc H.

2. Về con chung: Chị Trần Thị C và anh Đỗ Ngọc H có 02 con chung là cháu Đỗ Đức T; sinh ngày 19/12/2004 và cháu Đỗ Hồng Á; sinh ngày 24/12/2007. Nguyên vọng của chị C sau khi ly hôn sẽ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Đỗ Hồng Á; sinh ngày 24/12/2007 cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên hoặc khi có thay đổi khác. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với cháu Đỗ Đức T; sinh ngày 19/12/2004 đã đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động. Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 27/5/2025, sau khi thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện ly hôn của chị Trần Thị C. Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên đã thông báo thụ lý vụ án số: 106/2025/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2025 và đã xuống tổng đạt trực tiếp cho anh Đỗ Ngọc H tuy nhiên đã đến nhiều lần nhưng anh H không có mặt ở nhà và cũng không có ý kiến phản hồi bằng văn bản cho Tòa án. Tòa án đã làm việc với Lãnh đạo Thôn Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (nay là Thôn Đ, xã T, tỉnh Điện Biên) cho biết anh H đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn Đ, xã T, tỉnh Điện Biên nhưng hiện nay anh H đi đâu, làm gì chính quyền địa phương không rõ chỉ thấy anh H đi về nhà thất thường. Do đó, Tòa án đã phải thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng bằng hình thức niêm yết công khai theo quy định của pháp luật tại Thôn Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (nay là Thôn Đ, xã T, tỉnh Điện Biên) và UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (nay là xã T, tỉnh Điện Biên); Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên) nhưng đến thời điểm này anh H cũng không có ý kiến phản hồi. Do vậy, Tòa án không thể tiến hành hoà giải được, Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 6 năm 2025, tại phiên tòa anh H vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên tòa, phiên tòa xét xử vụ án được ấn định vào hồi 08 giờ 00 phút ngày 29/7/2025. Tất cả các thủ tục như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa

giải; Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập đương sự đều được Tòa án niêm yết công khai theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Đỗ Ngọc H đã được triệu tập họp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo đúng quy định. Chị Trần Thị C vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề con chung; về quan hệ tài sản không yêu cầu Tòa án giải quyết như nội dung trong đơn khởi kiện và bản tự khai chị đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 27/5/2025 chị Trần Thị C nộp đơn khởi kiện về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên) đối với anh Đỗ Ngọc H có địa chỉ tại: Thôn Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (nay là Thôn Đ, xã T, tỉnh Điện Biên). Cùng ngày chị C đã nộp tạm ứng án phí theo Điều 146 Bộ luật tố tụng Dân sự (sau đây ghi tắt là BLTTDS) và nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho Tòa án, Tòa án đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị C theo Điều 195 BLTTDS.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu Ly hôn giữa chị Trần Thị C và anh Đỗ Ngọc H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[1.3] Các vấn đề khác: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên đã thực hiện đúng qui định tại các Điều 177; Điều 179/BLTTDS, việc anh H không thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70; Điều 72/BLTTDS là do anh H đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Cho nên căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung.

[2.1] *Xét về hôn nhân*: Chị Trần Thị C và anh Đỗ Ngọc H kết hôn năm 2003 tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (nay là xã T, tỉnh Điện Biên). Như vậy, hôn nhân giữa chị C và anh H đảm bảo về điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình và là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc và đã có 02 con chung. Theo chị C cuộc sống vợ chồng thời gian đầu chung sống vợ chồng anh chị có hạnh phúc, sau này thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính là vợ chồng không có tiếng nói chung, quan điểm sống bất đồng ngày càng không dung hòa trong cuộc sống, nghĩ rằng cuộc hôn nhân không thể cố gắng thêm được nữa, anh chị đã sống ly thân từ nhiều năm nay, chị C xác định tình cảm vợ chồng không còn, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Nay chị C làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên giải quyết cho chị ly hôn với anh H. Tòa án đã thông báo cho anh H được biết, nhưng anh H không hợp tác và cũng không có ý kiến phải hồi bằng văn bản cho Tòa án. Tòa án đã triệu tập anh H nhiều lần đều vắng mặt và vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; vắng mặt tại các buổi hòa giải do Tòa án tổ chức nên không hòa giải được. Tòa án đã tiến hành mọi thủ tục niêm yết theo đúng quy định của pháp luật, nhưng anh H vẫn không đến Tòa. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị C và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa chị C vẫn giữ nguyên quan điểm và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H. Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo quyền lợi của đương sự và để giải phóng cho chị C khỏi tình trạng hiện tại khi mà hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc, nên chấp nhận đơn xin ly hôn của chị C và áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị C và anh Đỗ Ngọc H.

[2.2] *Xét về con chung*: Chị Trần Thị C có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Đỗ Hồng Á; sinh ngày 24/12/2007. Xét thấy hiện tại anh H cũng thường xuyên vắng nhà, đi đâu làm gì gia đình cũng không ai biết, từ khi vợ chồng ly thân, chị C là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hồng Á cho đến nay, bản thân cháu Hồng Á cũng có đơn trình bày nguyện vọng được ở cùng với mẹ là chị Trần Thị C và theo đơn xác nhận tình trạng hôn nhân của chị C cung cấp cho Tòa án đã được Lãnh đạo Thôn Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (nay là Thôn Đ, xã T, tỉnh Điện Biên) xác nhận thì vợ chồng chị C và anh H khi còn chung sống đã thường xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung, bản thân anh chị đã sống ly thân từ lâu, không ai còn quan

tâm đến cuộc sống của nhau nữa, anh H thường xuyên vắng nhà đi đâu và làm gì chị C và Lãnh đạo bản cũng không biết. Vì vậy anh H không đủ điều kiện và thời gian chăm sóc con chung, không đảm bảo được sự phát triển của trẻ. HĐXX thấy rằng hiện tại chị C mới là người có đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Căn cứ Điều 69 và Điều 81; Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận nguyện vọng của chị C. Giao con chung là cháu Đỗ Hồng Á; sinh ngày 24/12/2007 cho chị C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên hoặc khi có khả năng lao động. Anh H có quyền đi lại thăm con chung không ai được cản trở.

Đối với cháu Đỗ Đức T; sinh ngày 19/12/2004 đã đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động. HĐXX không xem xét.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện nuôi con của chị C.

[3] Xét về tài sản: Về tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. HĐXX không xem xét.

[4] Về nghĩa vụ chịu án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Trần Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật. *Vì các lẽ trên,*

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81 Điều 82, Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị C với anh Đỗ Ngọc H.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Đỗ Hồng Á; sinh ngày 24/12/2007 cho chị Trần Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu thành

niên hoặc khi có thay đổi khác. Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với cháu Đỗ Đức T; sinh ngày 19/12/2004 đã đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động. HĐXX không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về chia tài sản chung; Tài sản riêng; Nợ phải trả; Nợ lấy về; diện tích ruộng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí DSST chị C đã nộp theo biên lai thu tiền 0000371 ngày 03/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2, tỉnh Điện Biên). Chị C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự chị Trần Thị C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29/7/2025).

Anh Đỗ Ngọc H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSNDKV2-ĐB;
- UBND xã Thanh An, tỉnh DB;
- (nơi đăng ký kết hôn);
- Phòng THADSKV2TĐB;
- Tòa án tỉnh DB;
- Lưu VP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Tố Loan

